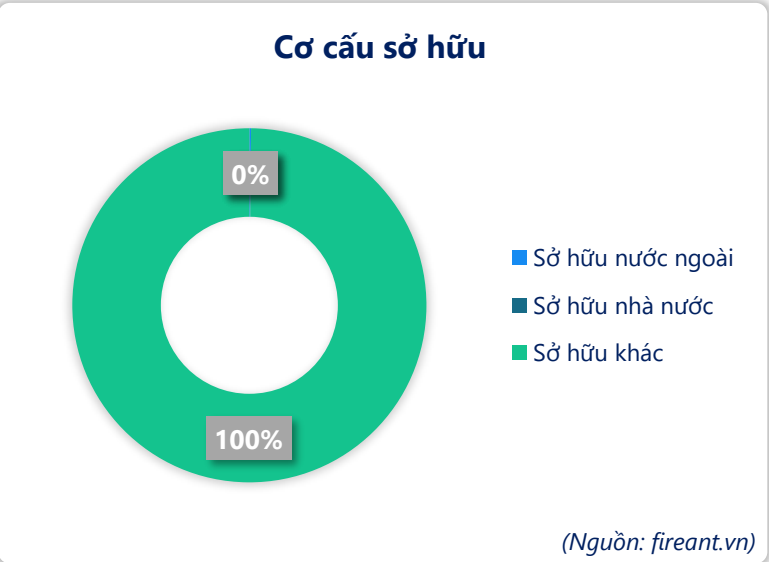
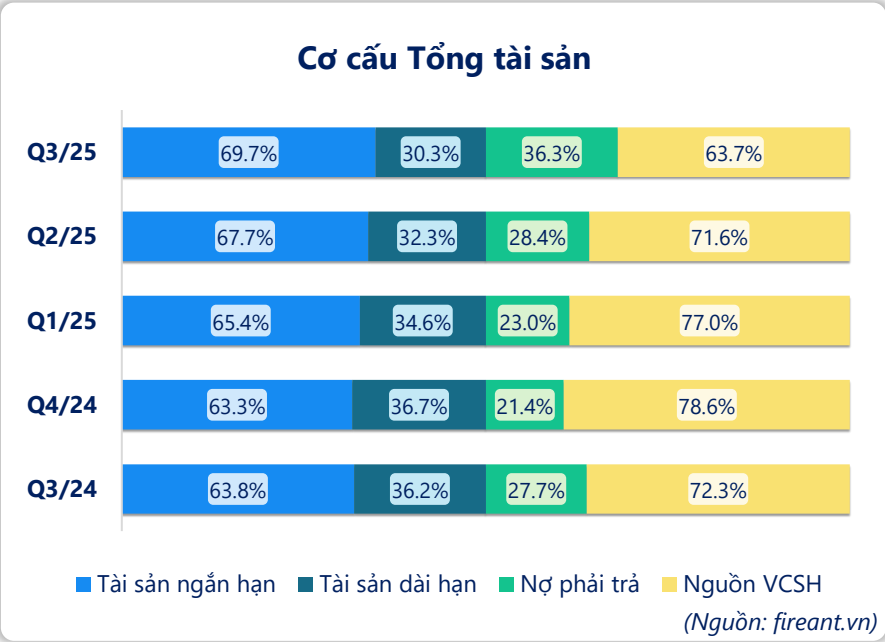
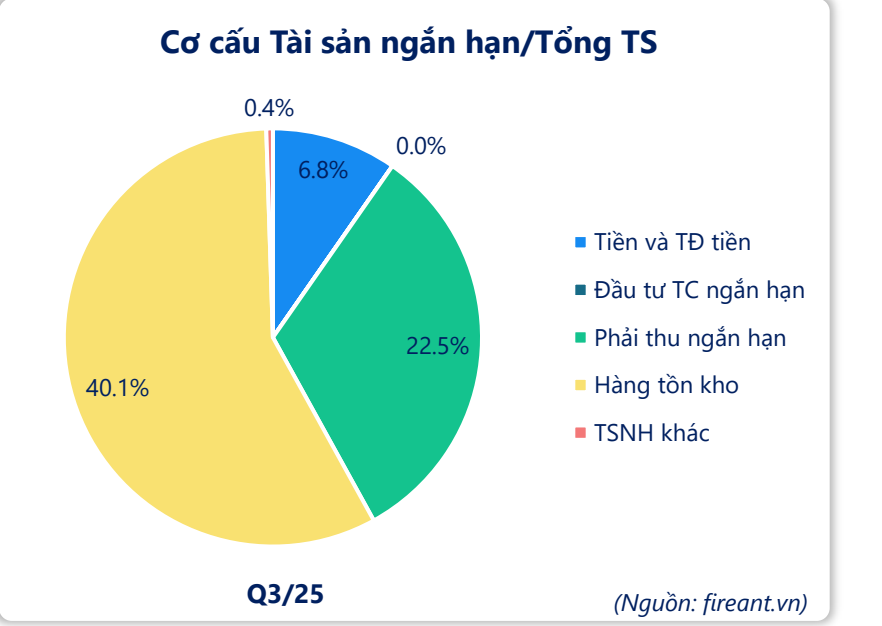
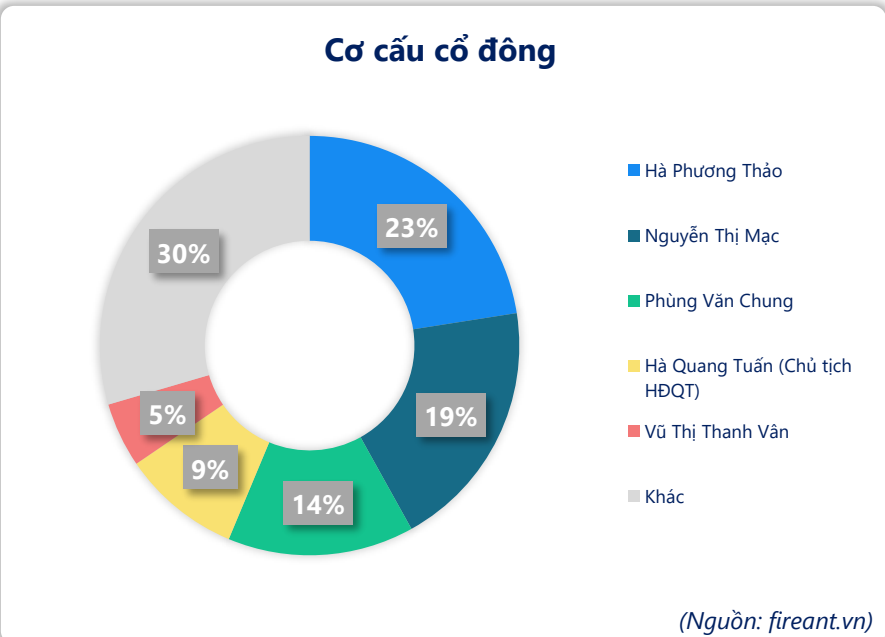
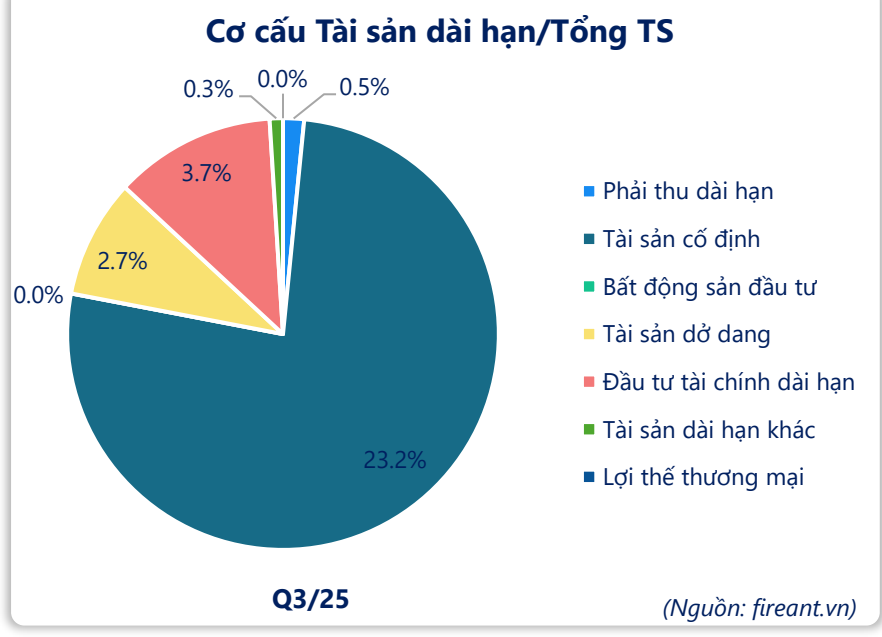
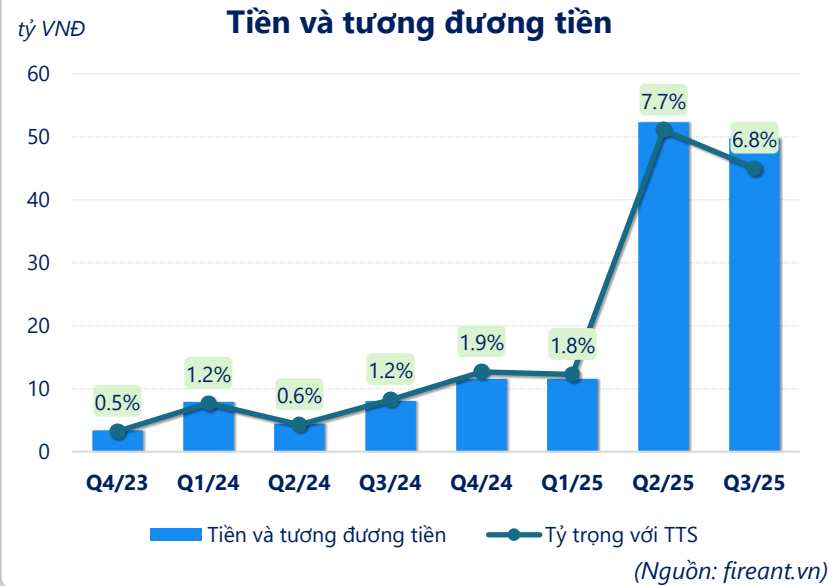
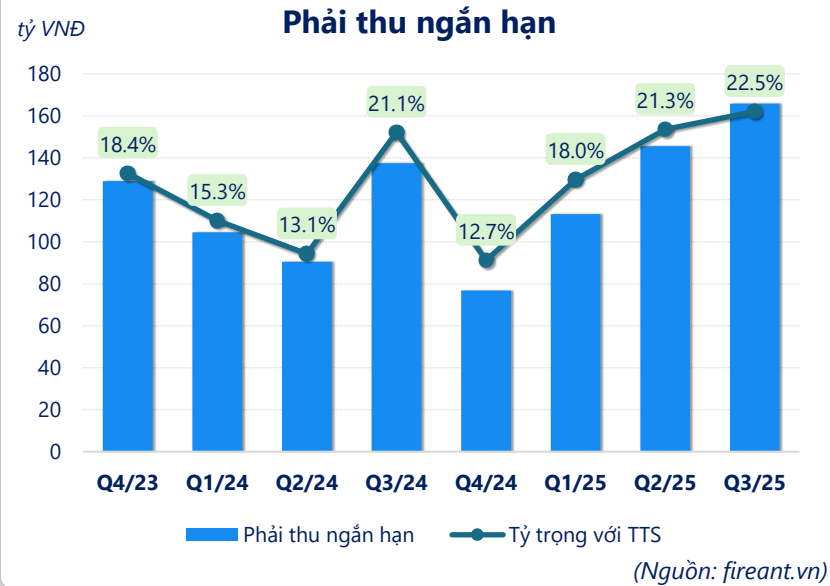
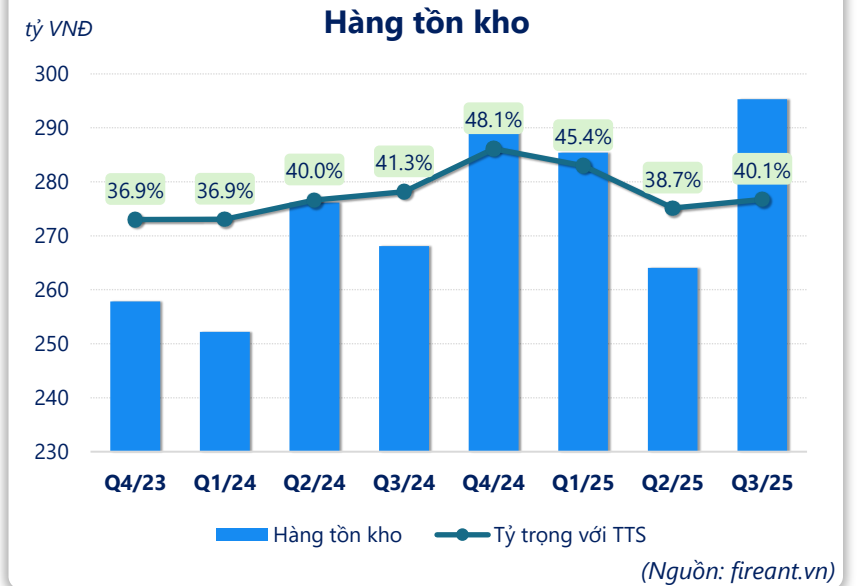
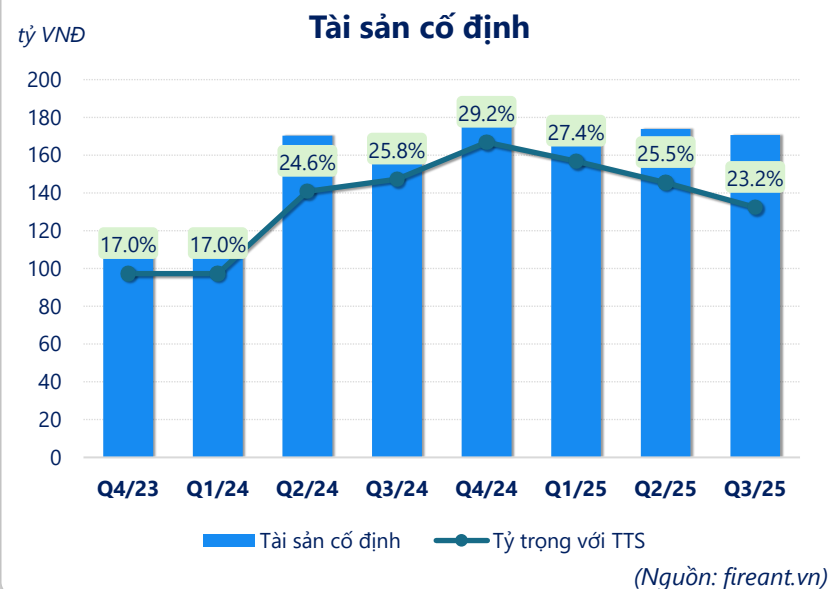
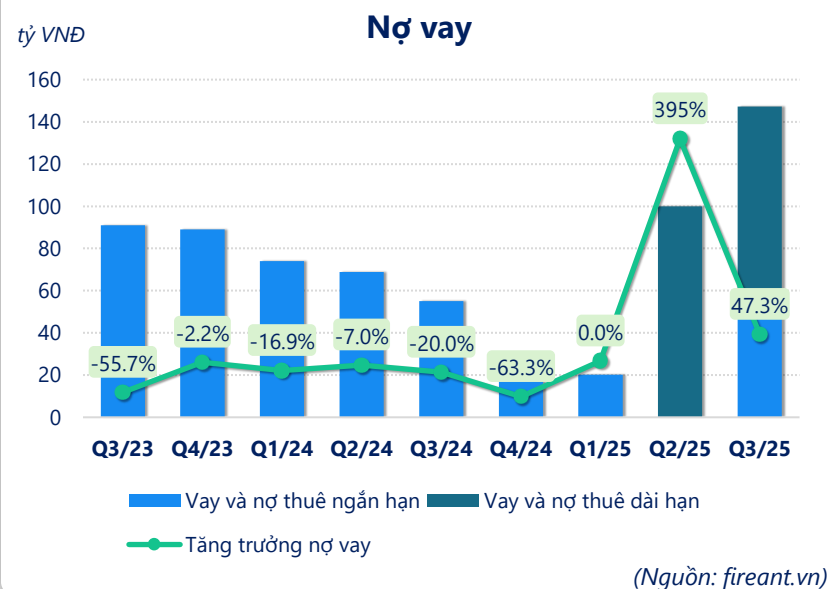
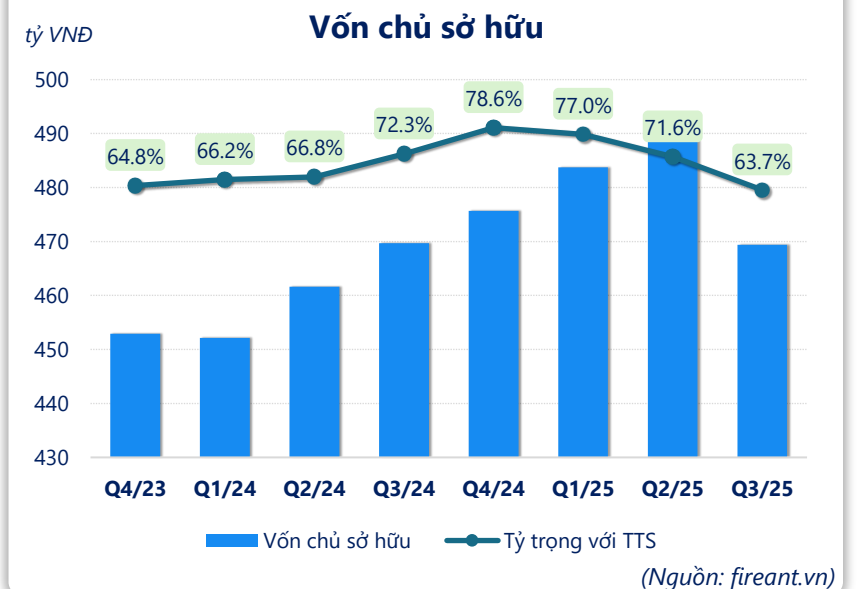
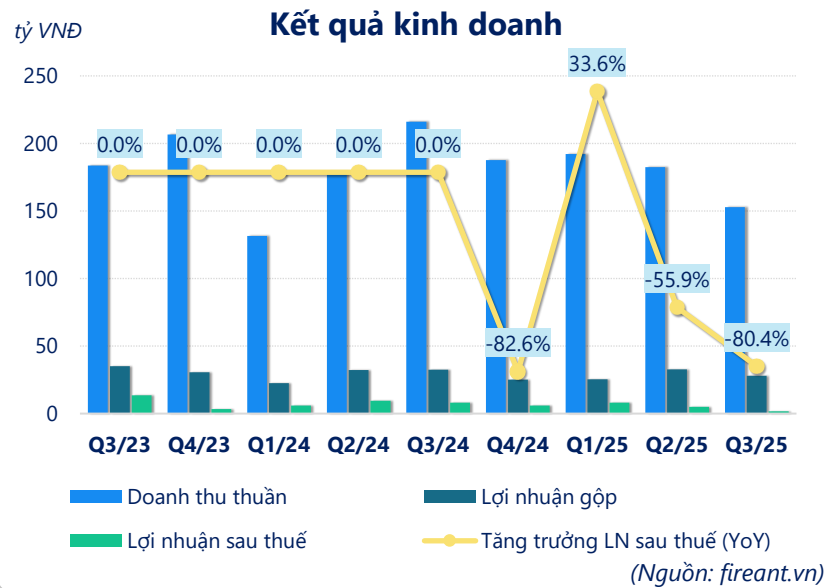
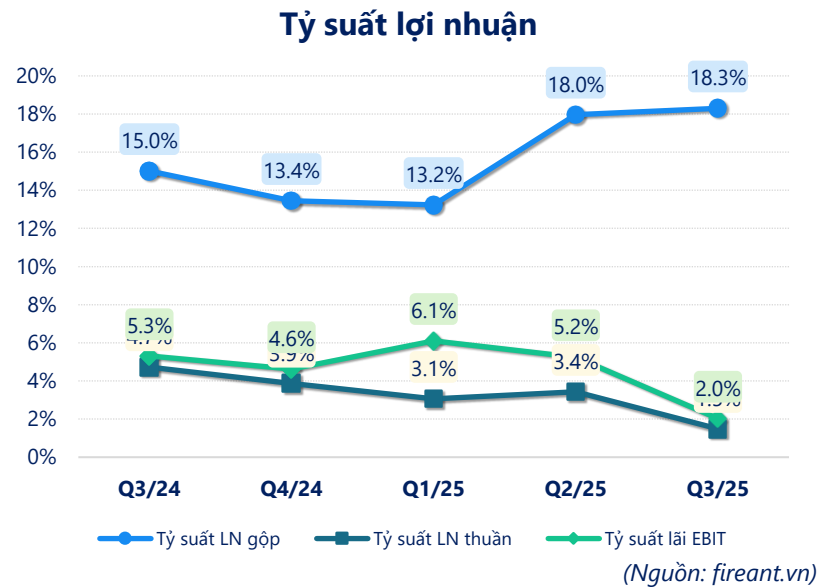
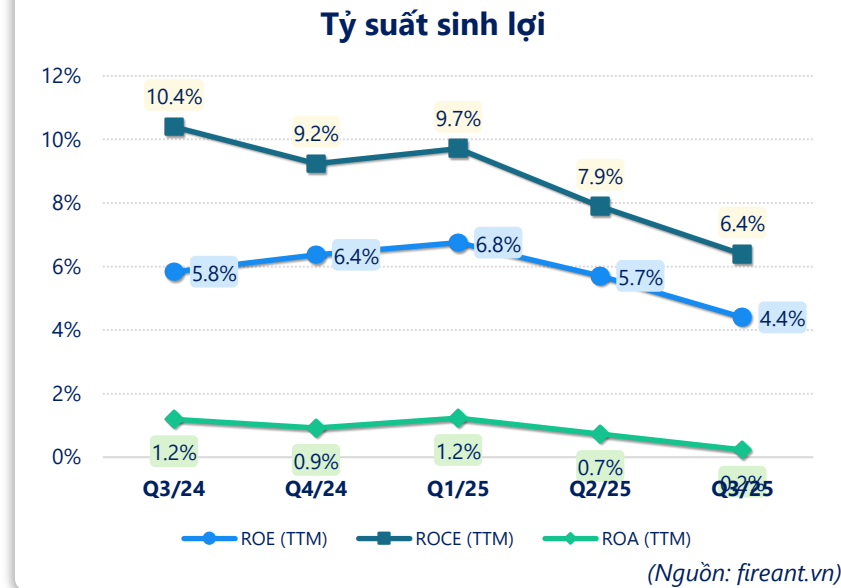
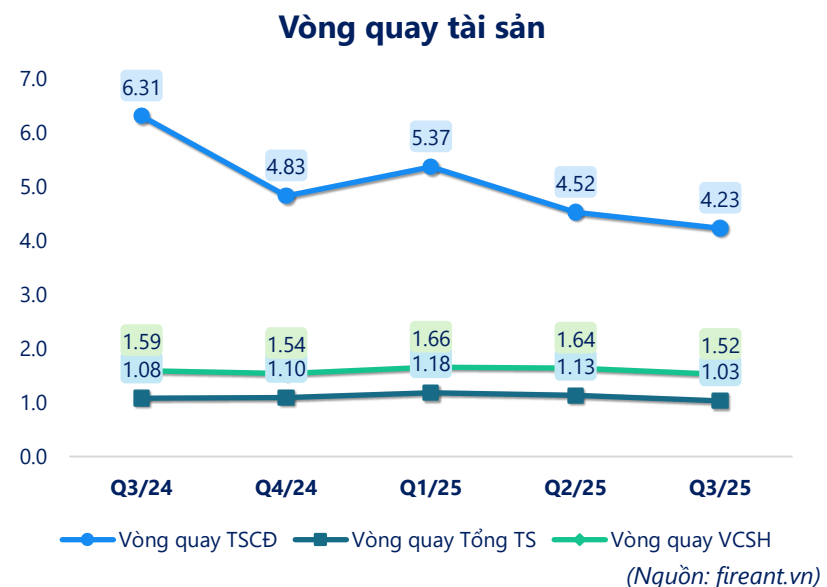
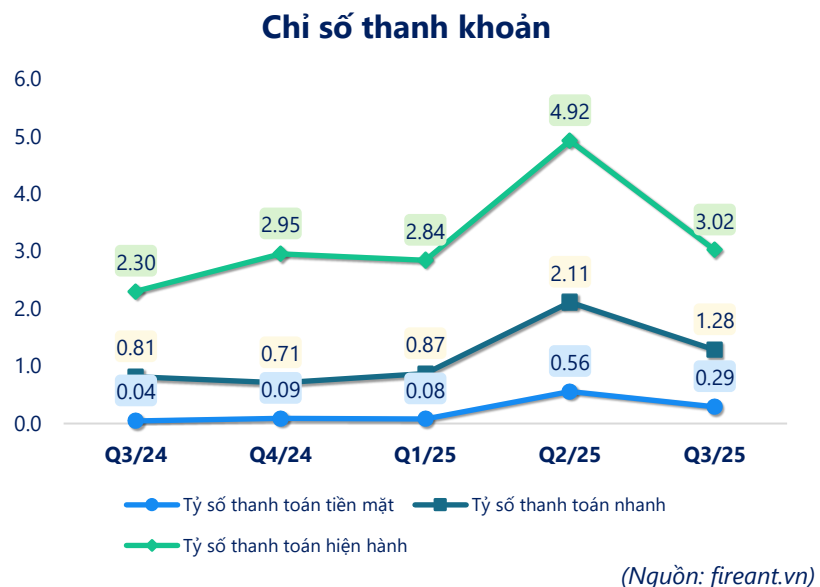
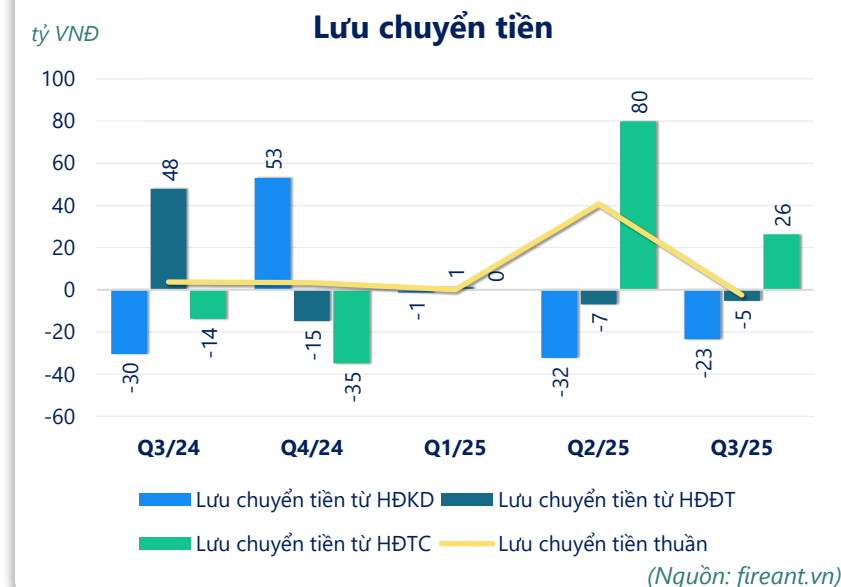


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,382
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,645
SL cổ phiếu LH		44,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		348,090
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		373
P/E		18.0
EPS		465

	YTD	1T	3T	6T
HNM	-7.3%	2.3%	-5.3%	-1.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	737	605	21.7%
Tài sản ngắn hạn	514	383	34.0%
Tiền và tương đương tiền	49.8	11.5	331%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.01	0.01	-2.5%
Phải thu ngắn hạn	166	76.6	117%
Hàng tồn kho	295	291	1.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.61	3.74	-30.1%
Tài sản dài hạn	223	222	0.4%
Phải thu dài hạn	3.52	0	
Tài sản cố định	171	177	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.8	15.4	28.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	27.0	27.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.21	3.06	-27.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	267	130	106%
Nợ ngắn hạn	170	130	31.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.0	20.2	147%
Phải trả người bán ngắn hạn	87.1	43.1	102%
Nợ dài hạn	97.3	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	97.3	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	469	476	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	469	476	-1.3%
Vốn điều lệ	444	444	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	216	188	192	182	153
Giá vốn hàng bán	184	162	167	150	125
Lợi nhuận gộp	32.4	25.2	25.4	32.8	28.0
Doanh thu HĐTC	1.21	1.21	1.26	0.32	0.10
Chi phí TC	1.78	1.36	0.24	5.15	1.71
Chi phí lãi vay	1.34	1.19	1.63	3.33	1.09
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	18.5	18.4	16.9	18.1	19.9
Chi phí QLDN	3.15	-0.59	3.66	3.62	4.18
LN thuần từ HĐKD	10.2	7.25	5.89	6.26	2.28
Lợi nhuận khác	-0.09	0.23	4.20	-0.01	-0.26
LN trước thuế	10.1	7.48	10.1	6.25	2.01
Lợi nhuận sau thuế	8.06	5.98	8.07	5.00	1.61
LNST của CĐ cty mẹ	8.06	5.98	8.07	5.00	1.61

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-30.4	53.0	-1.24	-32.2	-23.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	47.7	-14.8	1.26	-6.98	-5.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.8	-34.8	0	79.8	26.3
Tiền đầu kỳ	4.44	8.07	11.5	11.6	52.3
Lưu chuyển tiền thuần	3.63	3.41	0.02	40.6	-2.45
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.06	0	0.11	-0.09
Tiền cuối kỳ	8.07	11.5	11.6	52.3	49.8

(Nguồn: fireant.vn)